

Ngày soạn:/...../

Ngày dạy:/...../

BUỔI 26. HAI BÀI TOÁN CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Phân biệt được hai bài toán cơ bản của phân số: Tìm giá trị phân số của một số, tìm một số biết giá trị phân số của nó.
- Vận dụng được các công thức đã học vào bài toán cụ thể và bài toán thực tiễn.

2. Về năng lực*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Năng lực đặc thù:**

- Năng lực giao tiếp toán học: trình bày được lời giải trước tập thể lớp, trả lời được các câu hỏi đặt ra của bạn học và của giáo viên
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng được máy tính.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ... để nêu được phương pháp giải các dạng bài tập và từ đó áp dụng để giải một số dạng bài tập cụ thể.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.
- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.
- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, bảng phụ, phấn màu,**2. Học sinh:** SGK, bảng nhóm, bút dạ.**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY****Tiết 1.****A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU****a) Mục tiêu:**

- HS làm được các bài tập trắc nghiệm đầu giờ.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi lý thuyết về các kiến thức hai bài toán cơ bản của phân số.

c) Sản phẩm:

- Tính được giá trị phân số của một số và tìm được một số khi biết giá trị phân số của nó.

d) Tổ chức thực hiện:

Kiểm tra trắc nghiệm – Hình thức giao bảng kết quả của học sinh (cá nhân).

Kiểm tra lý thuyết bằng trả lời miệng (cá nhân)

BÀI KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM ĐẦU GIỜ

Câu 1: Nối với kết quả phù hợp.

a) $\frac{1}{5} \cdot 45$		1) $\frac{3}{8}$
b) $35 \cdot \frac{2}{7}$		2) 9
c) $-16 \cdot \frac{3}{4}$		3) - 12
d) $1 \cdot \frac{3}{8}$		4) 10

Đáp án: a nối với 2), b nối với 4), c nối với 3), d nối với 1).

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>NV1: Hoàn thành bài tập nối đầu giờ</p> <p>NV2: Nêu quy tắc nhân hai phân số. Quy tắc nhân một số nguyên với một phân số.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Hoạt động cá nhân trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>NV1: HS giao bảng kết quả trắc nghiệm. (Yêu cầu 2 bạn ngồi cạnh kiểm tra kết quả của nhau)</p>	<p>Kết quả bài nối</p> <p>a nối với 2), b nối với 4), c nối với 3), d nối với 1).</p> <p>I. Nhắc lại lý thuyết</p> <p>a) Phép nhân một số với một phân số</p> <p>+ Muốn nhân hai phân số, ta nhân các tử với nhau và nhân các mẫu với nhau:</p> $\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{ac}{bd} \quad (a; b; c; d \in \mathbb{Z}; b; d \neq 0)$ <p>+ Muốn nhân một số nguyên với một phân số (hoặc một phân số với một số nguyên), ta nhân số nguyên với tử của</p>

<p>NV2, 3: HS đứng tại chỗ báo cáo</p> <p>Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức. - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở 	<p>phân số và giữ nguyên mẫu: $c \cdot \frac{a}{b} = \frac{c \cdot a}{b}$ $(a; b; c \in \mathbb{Q}; b \neq 0)$</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhân với số 1: $\frac{a}{b} \cdot 1 = 1 \cdot \frac{a}{b} = \frac{a}{b}$
--	---

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Dạng 1: Tìm giá trị phân số của một số

a) Mục tiêu:

Tìm được giá trị phân số của một số. Vận dụng vào bài toán thực tế.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4; 5; 6.

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt		
Bước 1: Giao nhiệm vụ 1 - GV cho HS đọc đề bài 1. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài , thực hiện tìm giá trị phân số của một số. Bước 3: Báo cáo kết quả - 2 HS đứng	Bài 1: Nối với kết quả phù hợp.		
	a) $\frac{4}{5}$ của 45		1) 90
	b) $\frac{2}{7}$ của 112		2) 36
	c) $\frac{1}{4}$ của 120		3) 30
	d) $\frac{3}{8}$ của 240		4) 32
	Giải: <i>a nối với 2), b nối với 4), c nối với 3), d nối với 1).</i>		

<p>tại chỗ trả lời và các HS khác lắng nghe, xem lại bài trong vở.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 2.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- HS thực hiện giải toán cá nhân</p> <p>- HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi theo bàn trả lời câu hỏi .</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS hoạt</p>	<p>Bài 2: Tìm</p> <p>a) $\frac{2}{3}$ của 81</p> <p>b) $\frac{2}{7}$ của -4</p> <p>c) $\frac{3}{4}$ của 1,6</p> <p>d) 21% của 5,6</p> <p>Giải</p> <p>a) $\frac{2}{3} \cdot 81 = 54$</p> <p>b) $\frac{2}{7} \cdot (-4) = -\frac{8}{7}$</p> <p>c) $\frac{3}{4} \cdot 1,6 = 1,2$</p> <p>d) $21\% \cdot 5,6 = 1,176$</p>

<p>động cá nhân, đại diện 4 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài Bài 3.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- HS thực hiện giải toán cá nhân</p> <p>- HS so sánh kết quả với bạn bên cạnh</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, làm bài cá nhân và thảo luận cặp đôi theo bàn trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo</p>	<p>Bài 3. Tìm</p> <p>a) $1\frac{2}{3}$ của 8,1</p> <p>b) $1\frac{3}{5}$ của - 4,5</p> <p>c) 75% của $2\frac{4}{5}$</p> <p>d) $1\frac{3}{8}$ của $3\frac{1}{12}$</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>a) $1\frac{2}{3}.8,1 = 10,8$</p> <p>b) $1\frac{3}{5}.(-4,5) = -7,2$</p> <p>c) $75\%.2\frac{4}{5} = 2,1$</p> <p>d) $1\frac{3}{8}.3\frac{1}{12} = 4\frac{23}{96}$</p>

<p>cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân, đại diện 4 hs lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 ý <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. <p>Chuyển ý: Hai bài tập trên giúp các em củng cố kiến thức về quy tắc nhân, chia phân số. Chúng ta sẽ cùng làm những bài tính toán ở mức độ khó hơn.</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 4. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện cặp đôi - Nêu lưu ý sau khi giải 	<p>Bài 4: Tìm</p> <p>a) $\frac{1}{4}$ của $40m$</p> <p>b) $\frac{3}{5}$ của $48m$</p> <p>c) 20% của $\frac{4}{5}kg$</p> <p>d) $1\frac{1}{3}$ của $2\frac{3}{8}m^2$</p>

<p>toán</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, hoạt động cặp đôi giải toán</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 4 đại diện cặp đôi lên bảng trình bày kết quả</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	<p style="text-align: right;">Giải:</p> <p>a) $\frac{1}{4} \cdot 40 = 10m$</p> <p>b) $\frac{3}{5} \cdot 48 = \frac{144}{5} m$</p> <p>c) $20\% \cdot \frac{4}{5} = \frac{4}{25} kg$</p> <p>d) $1\frac{1}{3} \cdot 2\frac{3}{8} = 3\frac{1}{6} m^2$</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 1</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài 5. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p>	<p>Bài 5. Một quả bưởi nặng $2,4kg$. Hỏi $\frac{1}{4}$ quả bưởi nặng bao nhiêu kg?</p> <p>Giải</p> <p>$\frac{1}{4}$ quả bưởi nặng số kg là: $\frac{1}{4} \cdot 2,4 = 0,6kg$</p>

<p>- 2 HS đứng tại chỗ trả lời và các HS khác lắng nghe, xem lại bài trong vở.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ 1</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài 6. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 2 HS đứng tại chỗ trả lời và các HS khác lắng nghe, xem lại bài trong vở.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài</p>	<p>Bài 6. Tùng có 12 viên bi. Tùng cho Bình $\frac{5}{6}$ số bi của mình. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?</p> <p>Giải</p> <p>Số bi Bình có là: $\frac{5}{6} \cdot 12 = 10$ (viên bi)</p> <p>Số bi Tùng còn lại là $12 - 10 = 2$(viên bi)</p>

làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập.	
---	--

Tiết 2:**Dạng toán: Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó****a) Mục tiêu:**

- Học sinh tìm được một số khi biết giá trị phân số của nó.
- Vận dụng vào giải quyết bài toán thực tế.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4, 5, 6.**c) Sản phẩm:** Tìm được kết quả của các phép toán.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
Bước 1: Giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài bài 1 . Yêu cầu: - HS thực hiện theo nhóm 4 - Nêu lưu ý sau khi giải toán Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm. HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập vào bảng nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trưng kết quả nhóm - 1 đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời Bước 4: Đánh giá kết quả - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. GV chốt lại các tính chất đã được áp dụng trong việc giải bài tập	Bài 1: Tìm một số biết: a) $\frac{2}{3}$ của nó bằng 7,2 b) $1\frac{3}{7}$ của nó bằng - 6 c) $\frac{2}{7}$ của nó bằng 14 d) $3\frac{1}{5}$ của nó bằng $-\frac{2}{3}$ Giải: a) $7,2 : \frac{2}{3} = 10,8$ b) $(-6) : 1\frac{3}{7} = -4,2$ c) $14 : \frac{2}{7} = 49$ d) $-\frac{2}{3} : 3\frac{1}{5} = -\frac{5}{12}$

<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 2. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cách tìm thừa số trong một tích - Nêu cách tìm số bị chia, số chia trong một thương - Yêu cầu HS làm bài tập cá nhân, 4 HS lên bảng. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đứng tại chỗ trả lời cách tìm thừa số, tìm số bị chia, số chia. - 4 HS lên bảng giải toán, HS làm vào vở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân dưới lớp <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. GV chốt lại kết quả và các bước giải 	<p>Bài 2: Nếu $\frac{2}{5}$ quả dưa hấu nặng $4\frac{1}{2}$kg thì quả dưa hấu nặng bao nhiêu ki-lô-gam?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Quả dưa hấu nặng là:</p> $4\frac{1}{2} : \frac{2}{5} = 11\frac{1}{4}\text{kg}$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 3. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo nhóm đôi - Nêu lưu ý sau khi giải toán <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo cặp đôi. <p>HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 2 đại diện nhóm trình bày kết quả trên bảng (mỗi đại diện 1 ý) - Đại diện nhóm trình bày cách làm - HS phản biện và đại diện nhóm trả lời <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. 	<p>Bài 3: Nếu $\frac{2}{3}$ số tuổi của Hoa cách đây 3 năm là 6 tuổi thì tuổi của Hoa hiện nay là bao nhiêu?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số tuổi của Hoa cách đây 3 năm là:</p> $6 : \frac{2}{3} = 9 \text{ tuổi}$ <p>Số tuổi của Hoa hiện nay là: $9 + 3 = 12$ tuổi</p>

<p>GV chốt lại kết quả và cách làm bài</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 4. <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự cách làm bài tập 3, làm bài tập 4 cá nhân - 4 HS lên bảng. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 HS lên bảng giải toán - HS dưới lớp làm vào vở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân dưới lớp <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - Yêu cầu HS ghi nhớ các bước giải toán 	<p>Bài 4: Một tấm vải bớt đi $\frac{8}{13}$ tấm vải, Tính chiều dài của tấm vải?</p> <p>Giải</p> <p>10 m chiếm số phần tấm vải là:</p> $1 - \frac{8}{13} = \frac{5}{13}$ <p>Chiều dài tấm vải là:</p> $10 : \frac{5}{13} = 26m$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 5. <p>Hướng dẫn:</p> $\frac{1}{1.2}$ <ul style="list-style-type: none"> - Hãy phân tích $\frac{1}{1.2}$ thành hiệu của hai phân số - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và giải toán <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm <p>HS suy nghĩ và giải toán</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả - Đại diện nhóm trình bày cách làm 	<p>Bài 5: Trong sữa có 4,5% bơ. Tính lượng sữa trong 1 chai, biết rằng lượng bơ trong chai sữa này là 18g?</p> <p>Giải:</p> <p>Khối lượng chai sữa là:</p> $18 : 4,5\% = 400g$ <p>Khối lượng sữa trong chai là:</p> $400 - 18 = 382g$

<p>- HS phản biện và đại diện nhóm trả lời</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm.</p> <p>GV chốt lại kết quả và cách làm bài</p>	
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 6.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- HS thực hiện theo nhóm đôi</p> <p>- Nêu lưu ý sau khi giải toán</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo cặp đôi.</p> <p>HS phân nhiệm vụ và trình bày bài tập</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả trả lời miệng tại chỗ</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm.</p> <p>GV chốt lại kết quả và cách làm bài</p>	<p>Bài 6: Một lớp học có 45 học sinh, được xếp thành 3 loại: Giỏi, Khá và Trung bình.</p> <p>Biết rằng số học sinh Trung bình chiếm $\frac{4}{9}$ số học sinh cả lớp. 75% số học sinh khá của lớp là 12 em. Tính số học sinh mỗi loại?</p> <p>Giải</p> <p>Số học sinh trung bình là</p> $45 \cdot \frac{4}{9} = 20 \text{ học sinh}$ <p>Số học sinh khá là:</p> $12 : 75\% = 16 \text{ học sinh}$ <p>Số học sinh giỏi là: $45 - 20 - 16 = 9$ học sinh</p>

Tiết 3:

Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Luyện tập các bài toán lời văn sử dụng hai bài toán cơ bản của phân số.

b) Nội dung: Bài 1; 2; 3; 4, 5.

c) Sản phẩm: Tìm được kết quả của các phép toán.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 1.</p> <p>Yêu cầu:</p> <p>- HS nhận xét các giả thiết của bài toán.</p> <p>- Đề toán cho biết gì, cần tìm gì? Sử dụng bài toán cơ bản nào để giải?</p>	<p>Bài 1: Trên đĩa có 20 quả táo. Lan ăn $\frac{2}{5}$ số táo. Sau đó, Mai ăn $\frac{2}{3}$ số táo còn lại. Hỏi trên đĩa còn bao nhiêu quả táo?</p> <p>Giải:</p> <p>Số táo Lan ăn là: $20 \cdot 25\% = 5$ quả</p>

<p>- HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đứng tại chỗ nêu lại công thức tính diện tích và chu vi của hình chữ nhật</p> <p>- HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức</p>	<p>Số táo còn lại là $20 - 5 = 15$ quả</p> <p>Số táo Mai ăn là: $15 \cdot \frac{2}{3} = 10$ quả</p> <p>Số táo còn lại là: $15 - 10 = 5$ quả</p>
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 2. Đặt các câu hỏi hướng dẫn:</p> <p>- Bài toán sử dụng bài toán cơ bản nào để giải quyết?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc đề bài, hoạt động giải bài toán theo nhóm HS suy nghĩ và giải toán</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- Yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày cách làm</p> <p>- HS phản biện và đại diện nhóm trả lời</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét chéo bài làm của nhóm. GV chốt lại kết quả và cách làm bài, khen thưởng nhóm giải nhanh và chính xác bài toán</p>	<p>Bài 2. Quảng đường từ nhà đến trường dài 1200m, đạp được $\frac{3}{5}$ quãng đường thì xe bị hỏng, An đành gửi xe và đi bộ đến trường. Tính quãng đường An đi xe đạp và đi bộ?</p> <p style="text-align: right;">Giải</p> <p>Quãng đường An đi xe đạp là:</p> $1200 \cdot \frac{3}{5} = 720m$ <p>Quãng đường An đi bộ là:</p> $1200 - 720 = 480m$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài bài 3.</p>	<p>Bài 3: Đội tuyển Học sinh giỏi khối 6 có</p>

<p>Đặt câu hỏi hướng dẫn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp có bao nhiêu học sinh? - Cách tính số học sinh giỏi <p>Cách tính số học sinh khá và trung bình</p> <p>Cách tính số học sinh khá</p> <p>Cách tính số học sinh trung bình</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS giải toán theo cá nhân và trao đổi kết quả cặp đôi <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện giải bài tập cá nhân, trao đổi kết quả theo cặp <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng trình bày bảng <p>HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức 	<p>50 bạn, trong đó $\frac{3}{10}$ là học sinh môn Văn, $\frac{2}{5}$ là học sinh môn Toán, 20% là học sinh Sử, còn lại là giỏi Tiếng Anh. Tính số học sinh mỗi môn.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số học sinh môn Văn là</p> $50 \cdot \frac{3}{10} = 15 \text{ học sinh}$ <p>Số học sinh môn Toán là:</p> $50 \cdot \frac{2}{5} = 20 \text{ học sinh}$ <p>Số học sinh giỏi Sử là:</p> $50 \cdot 20\% = 10 \text{ học sinh}$ <p>Số học sinh giỏi tiếng Anh là:</p> $50 - 15 - 20 - 10 = 5 \text{ học sinh}$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 4. - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải toán <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng giải bài tập <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng trình bày bảng <p>HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức <p>GV tóm tắt kiến thức toàn buổi dạy</p>	<p>Bài 4: Một tổ công nhân đã đào được $\frac{4}{9}$ đoạn cống thoát nước, còn phải đào thêm 100m nữa mới hoàn thành đoạn cống được giao. Hỏi tổ đó được giao đào đoạn cống thoát nước dài bao nhiêu mét?</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Số phần đoạn cống thoát nước chưa hoàn thành là:</p> $1 - \frac{4}{9} = \frac{5}{9}$ <p>Đoạn cống được giao dài là</p> $100 : \frac{5}{9} = 180 \text{ m}$
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài bài 5. - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải toán <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng giải bài tập 	<p>Bài 5: Một khu vườn có diện tích 1000m² được chia làm 4 mảnh nhỏ để trồng 4 loại cây ăn quả: Bưởi, Táo, Cam và Ổi. Diện tích trồng bưởi chiếm 25% tổng diện tích. Diện tích trồng Táo bằng</p>

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- 1 HS lên bảng trình bày bảng HS dưới lớp quan sát, nhận xét bài làm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và chốt kiến thức</p> <p>GV tóm tắt kiến thức toàn buổi dạy</p>	<p>$\frac{2}{5}$ diện tích còn lại. Diện tích trồng Cam và Ổi bằng nhau. Tính diện tích trồng mỗi loại cây.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Diện tích trồng bưởi là:</p> $1000 \cdot 25\% = 250m^2$ <p>Diện tích còn lại là:</p> $1000 - 250 = 750m^2$ <p>Diện tích trồng táo là: $750 \cdot \frac{2}{5} = 300m^2$</p> <p>Diện tích còn lại là: $750 - 300 = 450m^2$</p> <p>Diện tích trồng Cam là: $450 : 2 = 225m^2$</p> <p>Diện tích trồng ổi là: $225m^2$</p>
--	--

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Yêu cầu HS học thuộc các tính chất của phép nhân phân số, nắm chắc mối quan hệ giữa các thành phần trong phép nhân và phép chia phân số.
- Hoàn thành các bài tập

Bài 1: Tính

- a, $\frac{3}{2}$ của 14 b, $\frac{5}{11}$ của 451 c, $1\frac{1}{3}$ của 60 d, 23% của 50

Bài 2: Tìm 1 số biết:

- a, $\frac{2}{7}$ của số đó là 14. b, $2\frac{3}{5}$ của x là $\frac{5}{6}$.
- a, $\frac{2}{5}\%$ của nó là 1,5. b, $3\frac{5}{8}\%$ của x là $-5,8$.

Bài 3: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

a, Tính diện tích mảnh vườn.

b, Người ta lấy $\frac{3}{5}$ diện tích mảnh vườn để trồng cây, 15% diện tích phần vườn còn lại dùng để nuôi gà. Tính diện tích phần vườn dùng để nuôi gà?

Bài 4: Nguyên liệu muối dưa gồm Rau cải, Hành, Đường, Muối, Biết khối lượng Hành, Đường, Muối theo thứ tự 5%, $\frac{1}{1000}$, $\frac{3}{40}$ khối lượng Rau cải. Nếu có 2kg Rau cải thì cần bao nhiêu Hành, Đường, Muối.

Bài 5: Do tình hình dịch Covid ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, cửa hàng giảm giá 20% một số mặt hàng. Người bán hàng đã sửa lại giá của các mặt hàng ấy như sau:

70 000 62 000

104 000 83 200

65 000 52 000

245 000 212 000

Em hãy kiểm tra xem người bán hàng tính giá mới đúng không?

Bài 6: Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải. Tính tổng số mét vải cửa hàng đã bán?

Bài 7: Bố Bình gửi tiết kiệm 1 triệu đồng tại một ngân hàng theo thể thức “có kì hạn 12 tháng” với lãi suất 0,62% một tháng (tiền lãi mỗi tháng bằng 0,62% số tiền gửi ban đầu và sau tháng 12 mới được lấy lãi). Hỏi hết kì hạn 12 tháng, bố Bình lấy ra cả vốn lẫn lãi là bao nhiêu?

Bài 8: Để làm một chiếc bánh chưng trong dịp Tết nguyên đán, Mẹ Lan phải chuẩn bị: Gạo nếp, đậu xanh không vỏ, thịt ba chỉ, lá dong và các gia vị khác. Khối lượng đậu xanh bằng $\frac{5}{7}$ khối lượng gạo nếp và gấp $\frac{5}{4}$ khối lượng thịt ba chỉ. Nếu mẹ Lan chuẩn bị 250 gam đậu xanh thì cần bao nhiêu gam gạo nếp và bao nhiêu gam thịt ba chỉ?

Bài 9: Một bể nuôi cá cảnh dạng hình hộp chữ nhật, có kích thước $40\text{cm} \times 60\text{cm}$ và chiều cao bể là 30cm. Lượng nước trong bể cao bằng $\frac{4}{5}$ chiều cao của bể. Tính số lít nước có trong bể đó.

Bài 10: Trên mảnh vườn, Bác Minh thu hoạch được 60kg dưa chuột và 24kg cà chua.

a) Bác Minh đem bán $\frac{3}{4}$ số dưa chuột đó, giá mỗi ki-lô-gam dưa chuột là 15 000 đồng. Hỏi bác Minh thu được bao nhiêu tiền?

b) Số cà chua bác Minh thu hoạch được chỉ bằng $\frac{3}{4}$ số cà chua hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu ki-lô-gam cà chua?